

GÓP PHẦN TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG CỦA PHAN BỘI CHÂU

CAO XUÂN LONG
LẠI VĂN NAM

TÓM TẮT

Phan Bội Châu (1867-1940) là nhà tư tưởng, nhà cách mạng, nhà văn nhà thơ, nhà giáo dục, tiêu biểu của Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Trong cuộc đời hoạt động đầy thăng trầm của mình, ông để lại nhiều tư tưởng có giá trị. Xuất phát điểm cho những tư tưởng của ông là từ nhu cầu đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người là sự kết hợp giữa tư phương Đông và phương Tây với truyền thống văn hóa Việt Nam. Ở mỗi giai đoạn khác nhau tư tưởng triết học của ông có sự biến đổi và phát triển không ngừng. Nội dung tư tưởng của Phan Bội Châu bao hàm những vấn đề về bản thể của thế giới, nhận thức luận, quan điểm biện chứng, đến những vấn đề về con người, quyền con người, giáo dục và đạo đức.

1. DẪN NHẬP

Lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một giai đoạn nhiều biến động về mọi mặt. Sự biến động ấy đã đặt ra vấn đề bức thiết về con đường, cách thức để giải phóng dân tộc, giải phóng con người thoát

khỏi những áp bức bóc lột, xóa đi những bất công trong xã hội,... Nhiều nhà tư tưởng đã đưa ra những phương án khác nhau cho việc giải đáp những vấn đề cấp thiết đó của xã hội. Những phương án ấy do hạn chế nhất định của điều kiện lịch sử, và quan điểm tư tưởng, có thể thành công ở những mức độ khác nhau. Nhưng đã để lại dấu ấn đặc biệt trong lịch sử tư tưởng giai đoạn chuyển tiếp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Một trong những nhà tư tưởng tiêu biểu ở giai đoạn này là Phan Bội Châu (1867-1940). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết Phan Bội Châu là “bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 2, tr. 172), bởi “tâm lòng cao thượng và cuộc đời đầy hy sinh, nhiều nguy nan của ông” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 2, tr. 172) cho công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng con người ở Việt Nam lúc bấy giờ. Phan Bội Châu không chỉ là nhà văn, nhà thơ, nhà yêu nước mà còn là người có tư tưởng tiến bộ có ảnh hưởng khá sâu rộng tiêu biểu cho một giai đoạn lịch sử đầy biến động ở Việt Nam.

2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG

Tư tưởng của Phan Bội Châu không chỉ hình thành và phát triển từ yêu cầu thực tiễn giải phóng con người mà còn là sự kế thừa, tiếp thu có tính chủ động, chọn lọc và

Cao Xuân Long. Tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

Lại Văn Nam. Thạc sĩ. Trường Đại học Tài chính-Marketing.

sáng tạo những tinh hoa văn hóa phương Đông, phương Tây và truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam. Nội dung tư tưởng triết học của Phan Bội Châu thể hiện một cách toàn diện, khá hệ thống và sâu sắc.

2.1. Quan điểm về thế giới

Phan Bội Châu đã sử dụng các phạm trù như: *Đạo, Không, hư, tâm, Chúa Trời,...* để trình bày quan điểm của ông về vũ trụ, trong đó phạm trù được ông dùng nhiều nhất trong các tác phẩm của mình để chỉ yếu tố đầu tiên tạo nên thế giới các sự vật hiện tượng này là “*đạo*”. Có thể thấy rằng mặc dù có sự không đồng nhất về thuật ngữ khi chỉ bản thể của thế giới, nhưng trong cách giải thích của ông về yếu tố đầu tiên của vũ trụ là có sự thống nhất. Theo ông yếu tố đầu tiên tạo ra sự vật hiện tượng trên thế giới này là vô hình, vô sắc, vô mùi vị,... bằng các giác quan của mình, con người không thể nắm bắt mô tả trực tiếp bản thể của vũ trụ, nhưng nó là tuyệt đối, không biến đổi, không mất đi, tồn tại hiện hữu ở trong hình dáng đến nội dung của các sự vật hiện tượng cụ thể. Đây cũng chính là đặc điểm để phân biệt giữa bản thể của vũ trụ với các sự vật hiện tượng cụ thể “*hữu hình*”, “*hữu hoại*”. Phan Bội Châu giải thích: “Nguyên lý của vũ trụ là một giống vô hình, không thể mô tả được, mà dầu mô tả được cũng chẳng bao giờ cùng” (Phan Bội Châu, 1990, tập 7, tr. 31), bởi vì “nguyên lai ở trong vũ trụ, nhất thiết giống gì đã hữu hình, tất nhiên hữu hoại, lớn đến tuyền thế giới, như nhất luân, địa cầu, tinh cầu,... cho đến tất cả các giống ở trong vũ trụ; hễ động lực có một ngày đình chỉ, nhiệt lực có một ngày tiêu

diệt, đại vận hội có một ngày tối chung, ngày tối chung đó là ngày Ký tế, Ký tế thời cùng, cùng thời biến hoại. Phật gia bảo rằng: Kiếp tận. Giáo Thiên Chúa bảo rằng: mật thể. Nên trong Dịch cũng phải có Ký tế. Tuy nhiên, cái cùng mà có biến hoại, đó chỉ thuộc về phần hình, ở Phật gia gọi bằng sắc, ở dịch gọi bằng khí. Còn thuộc về phần vô hình mà chúng ta không thể thấy: Phật gia gọi bằng *không*, ở Dịch gọi bằng *đạo*, cái đó không bao giờ cùng, mà cũng không bao giờ hoại” (Phan Bội Châu, 1990, tập 8, tr. 438).

Như vậy, nguyên lý vũ trụ với các sự vật hiện tượng tuy có những đặc điểm, bản chất khác nhau nhưng nó có mối liên hệ mật thiết và chuyển hóa lẫn nhau, trong đó *đạo* - là yếu tố đầu tiên, là nguyên lai của vũ trụ; từ *đạo* mới sinh ra khí nhất âm nhất dương, Phan Bội Châu đã viết: bản thể của vũ trụ mặc dù “nhị danh mà gốc vẫn nhất lý, có *đạo* mới đẻ ra khí, có khí mới chứng được *đạo*. Thí dụ vào thân người ta, tai biết nghe, mắt biết thấy, miệng biết nói, đó là khí, mà thuộc về sau khi hữu hình rồi. Nhưng tai vì sao mà hay nghe, mắt vì sao hay thấy, miệng vì sao hay nói. Tất cả lý sở dĩ hay nghe, hay thấy, hay nói, lý sở dĩ đó không làm sao mà mô tả được. Đó chính là *đạo* mà đẻ ra khí. Vô luận việc gì, tất trước có cái *đạo*, mà sau sinh ra vật ấy việc ấy” (Phan Bội Châu, 1990, tập 8, tr.489); và từ khí nhất âm nhất dương *ngưng kết* mới thành trời, đất; từ trời đất mới sinh ra vạn vật kể cả con người. Ông lý giải: sở dĩ vũ trụ “được hoàn thành, thời góc nhờ lúc nguyên thủy có hai khí âm, dương hòa hợp ngưng kết với nhau, mới sinh dục được vạn vật, nguyên khí ngưng kết đó tức là thái hòa” (Phan Bội Châu,

1990, tập 7, tr.49). *Tóm lại*, theo Phan Bội Châu bản thể vũ trụ là yếu tố “đầu tiên”, “nguyên lý” tạo ra thế giới này, yếu tố đó vô hình, vô danh, vô sắc, và vô hữu hoại,... nhưng nó biểu hiện mình thông qua những cái hữu hình, hữu danh, hữu sắc và hữu hoại.

Về nhận thức luận, Phan Bội Châu hướng đến việc nhận thức bản thể thế giới, nhưng bản thể của thế giới là đạo vốn vô hình, vô sắc, vô thanh, vô mùi vị, nên con người không thể nhận thức trực tiếp vào cái đạo bản thể được, mà theo Phan Bội Châu để hiểu được yếu tố bản nguyên thì cần phải thông qua cái biểu hiện của đạo đó là khí, là trời đất, là vạn vật và con người trong vũ trụ. Ông viết: “Muốn biểu thị chân lý, tất phải mượn những giống hữu hình mà chỉ dẫn cho ra Tượng nào vào lý ấy. Lệ như: Càn tượng là trời; Khôn tượng là đất; Chấn tượng là Sấm; Tốn tượng là gió” (Phan Bội Châu, 1990, tập 7, tr. 31). Như vậy, trong quan điểm nhận thức của mình, Phan Bội Châu cũng đi từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính, từ nhận thức các đặc điểm riêng rẽ, thường xuyên biến đổi của sự vật hiện tượng trên thế giới để khái quát bản chất, tính ổn định và bất biến của bản thể vũ trụ.

Về quan điểm biện chứng, trên cơ sở về bản thể của thế giới xuất phát từ đạo, Phan Bội Châu cho rằng mọi sự vật hiện tượng có mối liên hệ, tác động, chuyển hóa qua lại lẫn nhau theo quy luật tương sinh tương khắc và thống nhất ở nguồn gốc của thế giới là đạo. Ông xem xét sự vật hiện tượng trong sự vận động và phát triển, nhưng quan niệm vận động và phát triển của ông theo xu hướng tuần hoàn trở về với cái gốc ban đầu, ông cũng chưa chỉ

ra được nguồn gốc, cách thức, động lực và khuynh hướng của sự vận động và phát triển, thậm chí đôi khi ông đã sử dụng cả thuật *toán số* để giải thích sự vận động, nhưng ông đã khẳng định và chứng minh sự vận động phát triển của thế giới là có quy luật tự thân của nó, chứ không phải diễn ra một cách ngẫu nhiên. Trên quan điểm biện chứng khi xem xét vào điều kiện lịch sử xã hội Việt Nam ông cho rằng mặc dù hiện nay đất nước gặp khó khăn, bị thực dân Pháp xâm lược và đô hộ, nhưng với sự đoàn kết quyết tâm của cả dân tộc, ông tin tưởng vào một tương lai tươi sáng của đất nước Việt Nam.

2.2. Quan điểm về con người

Về nguồn gốc con người. Trên quan điểm *Dịch lý*, Phan Bội Châu cho rằng trời là cha và đất là mẹ, hai yếu tố này là *nhân (hetu)*, sự kết hợp của trời-cha và đất-mẹ là *duyên (pratitya)*, và con người là sự kết hợp giữa trời và đất đó là *quá (phala)*. Ông viết: “Càn là cha, khôn là mẹ, người hỗn hợp với càn khôn mà ở chính giữa” (Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr. 182-183). Tuy nhiên, Phan Bội Châu cho rằng sự kết hợp của trời và đất trong mỗi con người là không giống nhau, vì thế mới tạo thành người con trai, người con gái và ở mỗi con người có những nét đẹp riêng. Ông viết: “Ở trong khí âm dương kết hợp, dương khí mạnh hơn âm thời thành trai, âm khí mạnh hơn dương thời thành gái” (Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr. 184). Như vậy, từ nội dung nguồn gốc con người, Phan Bội Châu cho rằng sự xuất hiện của con người là “cần thiết đối với sự cân bằng trong vũ trụ” và con người không phải là sản phẩm thần thánh, Thượng đế hay ý thức sáng tạo nên, mà do *nhân duyên càn khôn thấu hợp* làm xuất hiện.

Về *cấu tạo con người*. Phan Bội Châu cho rằng con người được tạo nên bởi hai bộ phận, đó là thân thể và nhân tính. Trong đó thể giới nhục thể là “thân thể của con người”; thân thể đó được cấu tạo bởi *ngũ quan, ngũ tạng, lục phủ và mạch máu*. Theo ông, tạo hóa đã tạo ra con người “thập phần chu đáo” (Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr. 201), các bộ phận trên thân thể của con người không thừa mà cũng không thiếu, các cơ quan đó đều có chức năng riêng và có mối quan hệ với nhau giúp cho “thành” “phủ” *của thế giới linh hồn* tồn tại. Còn *nhân tính* là tính người, nhờ đó con người hơn hẳn các loài khác. Phan Bội Châu cho rằng bản tính là cái vốn có trên cơ sở của ngũ quan, ngũ tạng, lục phủ không phải do trời phú như một số nhà triết học trước quan niệm. Theo ông nhận định: nhân tính của “người ta ở khi mới đẻ ra mà gọi bằng tính, thời chẳng ai tuyệt đối hơn, cũng chẳng ai tuyệt đối kém, chỉ xê xích gần nhau mà thôi. Nhưng vì sau khi người đã ra đời, hoặc vì tập tục của xã hội, hoặc vì tập quán của hoàn cảnh, mà gọi bằng “tập”; tập tốt ngày càng tốt thêm, lúc ấy mới thấy người với người trình độ cách xa nhau” (Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr. 206-207). Phan Bội Châu cho rằng con người muốn tốt lành thì cần dựa vào việc chăm chỉ luyện tập và có những điều kiện, hoàn cảnh xã hội tốt. Chính sự luyện tập và điều kiện xã hội là vấn đề cơ bản, nền tảng tác động đến con người. Trong điều kiện xã hội Việt Nam ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, để có những con người tốt thì chúng ta phải thay đổi điều kiện xã hội, có nghĩa là phải đánh đuổi quân xâm lược.

Về *vị trí, vai trò của con người*. Phan Bội Châu đã khẳng định con người có vị trí, vai

trò hết sức quan trọng trong *đại vũ trụ*. Điều đó được ông xem xét qua hai mối quan hệ cơ bản trong đại vũ trụ. *Một là, vị trí vai trò của con người trong mối quan hệ với trời đất, Thượng đế, hay đấng tạo hóa*. Phan Bội Châu cho rằng “người là con đẻ của trời đất”, “là sự kết tinh của càn khôn”, mà chúng ta lại có câu “con hơn cha là nhà có phúc”. Chính vì vậy, đối với con người thì đấng tạo hóa luôn mong muốn con người vươn lên, tự khẳng định mình đối với vạn vật xung quanh. *Hai là, vị trí vai trò của con người trong mối quan hệ đối với vạn vật*. Phan Bội Châu khẳng định con người không chỉ là một “sản phẩm của giới tự nhiên”, mà vượt lên trên hết đó là một “sản phẩm hoàn mỹ nhất”, “một giống thần linh ở trong vạn vật, mà cũng có thể gọi là một vật tôn trường trong vạn vật” (Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr. 185). Bởi vì, tạo hóa đã ban cho con người “có một bộ óc khôn, có một món năng lực mà các động vật khác không có” (Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr. 186). Theo Phan Bội Châu, cũng chính nhờ “óc khôn”, “những năng lực đặc biệt” của mình mà con người mới có thể tự vệ, để tồn tại và chinh phục vạn vật trong thế giới này.

Về *bản chất con người*. Phan Bội Châu cho rằng con người là chủng tộc biết thương yêu, đùm bọc và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Ông viết: “Trời đất sinh ra vật, chia ra các chủng tộc. Chủng tộc có vậy thì ở dưới nước, chủng tộc có lông thì ở trên cao; con người ta đều có chủng tộc. Cùng một chủng tộc mà lại hại lẫn nhau, đó là giống vật tầm thường. Cùng chủng tộc biết thương yêu nhau mới gọi là con người” (Phan Bội Châu, 1990, tập 2, tr. 346). Từ nội dung nguồn gốc và bản chất

con người, Phan Bội Châu đã gửi vào đó một thông điệp giản dị nhưng có ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Đó là, trong điều kiện lịch sử xã hội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, mọi người dân trên đất nước Việt Nam phải đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau để tạo thành một sức mạnh to lớn nhằm “chống lại những kẻ không phải là người” để giải phóng con người, giải phóng dân tộc Việt Nam và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho con người phát triển.

2.3. Quan điểm chính trị-xã hội

Vấn đề nhân cách-quyền của con người. Theo Phan Bội Châu nhân cách là khái niệm dùng để chỉ cách mà con người biểu hiện với ba mối quan hệ trong quá trình hình thành, phát triển của mình, đó là “trên đối với trời, dưới đối với đất, giữa đối với vật và ngã” (Phan Bội Châu, 1990, tập 10, tr. 145), cách biểu hiện đó buộc con người phải thực hiện cho đến tận cùng trong vấn đề “phẩm cách làm người, cách thức làm người, cách điệu làm người” (Phan Bội Châu, 1990, tập 10, tr. 145).

Nội hàm, bản chất của vấn đề nhân cách biểu hiện thông qua ba mối quan hệ cơ bản của con người. *Một là*, xét trong mối quan hệ của con người với Đấng tạo hóa, điều có nghĩa đầu tiên của nhân cách - đó là *phẩm cách thứ nhất* của con người trong bảng xếp hạng của thế giới tự nhiên “*vô thức*” và “*hữu thức*”. Phẩm cách đó không phải do con người “tự phong” cho mình, mà chính nhờ những giá trị về trí tuệ, đạo đức và năng lực vượt trội của loài người hơn hẳn so với sự vật hiện tượng trong thế giới này. Ông còn khẳng định rằng: thậm chí “loài người đàn ngu lảm nữa cũng vẫn thiêng hơn loài vật” (Phan Bội Châu, 1990,

tập 2, tr. 58). Cho nên Đấng tạo hóa đã phong hàm “*nhất phẩm*” cho con người. *Hai là*, xét trong mối quan hệ giữa con người với xã hội điều có nghĩa thứ hai của nhân cách - đó chính là *tư cách của con người*. Vấn đề tư cách của con người được thể hiện qua mối liên hệ của con người với vấn đề độc lập dân tộc, vấn đề chủ quyền của mỗi quốc gia và vấn đề nhân quyền trong xã hội. Còn khi căn cứ vào *Luật trời và Công pháp vạn quốc*, Phan Bội Châu đã khẳng định độc lập tự do là quyền của mỗi dân tộc không ai có quyền xâm phạm, chính vì vậy, việc đấu tranh giành lại quyền độc lập tự do cho dân tộc ta là hợp luật trời và luật pháp quốc tế. Chính vì vậy, theo ông một đất nước nếu biết cách đề cao dân quyền thì không những nhân dân sẽ được tôn trọng mà đất nước ấy cũng sẽ mạnh lên. Nếu đất nước nào dân quyền bị xem nhẹ, thì không những dân bị coi khinh, mà nước ấy cũng yếu. Còn dân quyền của nước nào hoàn toàn bị mất thì nhân dân sẽ mất, mà đất nước cũng không còn. *Xét nhân cách của con người trong quan hệ với hệ thống nhà nước*, nội hàm nhân cách trong mối quan hệ này được thể hiện qua quyền dân chủ của người dân trong đất nước. Phan Bội Châu sau khi tìm hiểu những ưu khuyết điểm của thể chế chính trị ở các nước trên thế giới, đã nhận thức được rằng sự phát triển quốc gia biểu thị thông qua việc tôn trọng quyền của con người mà đặc biệt là quyền làm chủ của người dân. Ông đã viết: “những cường quốc, tức là đều là những nước mà dân quyền được đề cao” (Phan Bội Châu, 1990, tập 2, tr. 387). Theo ông những nước biết đề cao dân quyền phải là những nước có “hình

pháp, chính lệnh, thuế khóa, tiêu dùng đều do nghị viện quyết định, mà nghị viện thì đều do nhân dân tổ chức nên, Chính phủ không được can thiệp vào. Hàng năm đến kỳ nghị viện họp, các nghị viên tụ tập đông đủ. Chính phủ phải trình bày dự án trước nghị hội. Nghị hội tức là nhân dân. Những điều nhân dân cho là phải chính phủ không thể không làm; những điều nhân dân cho là trái, chính phủ không được làm. Tuy rằng sắc chiếu của Hoàng đế rất là đáng tôn trọng, nhưng nếu nghị viện không đồng ý thì cũng phải thu hồi mệnh lệnh đó. Dân quyền đáng sợ như thế vậy!” (Phan Bội Châu, 1990, tập 2, tr. 387). Chính vì vậy, theo ông mối quan hệ giữa nhân dân với chính phủ là mối quan hệ biện chứng tác động, chi phối lẫn nhau. Bởi vì, khi người dân có quyền làm chủ thì đất nước cũng theo đó mà có sức mạnh. Ông viết: “Một người, một nhà hay một nước, tất thảy là một phần tử ở trong xã hội... chúng ta đem thân vào xã hội, không cần xem ở nơi xã hội, mà cần phải xem nơi thân ta, bởi vì thân ta chính là một phần tử ở trong xã hội. Nếu thân ta tốt thời xã hội được một phần tử tốt rồi, dần dà lâu lác, ảnh hưởng càng đi càng xa, đến lúc cuối cùng, tất nhiên tuyên xã hội tốt cả” (Phan Bội Châu, 1990, tập 9, tr. 192). Theo ông quyền tự do của nhân dân là quyền được làm những điều trong khuôn khổ pháp luật của nhà nước đã quy định. Khi khẳng định quyền làm người, Phan Bội Châu đã vượt lên hẳn quan điểm của Nho giáo khi xem xét quyền làm người của nam và nữ, và đặc biệt chú ý đến quyền của người phụ nữ, theo ông vấn đề nữ quyền ở phương Đông được chú ý đúng mức vào khoảng “cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đời sống văn minh Âu

châu đầy ít nhiều bọt bèo tràn vào Đông Á. Thành linh mà hai chữ nhân quyền mới nảy ra trên mấy tờ báo nhảm. Thấp thoáng ở bên tai mấy cô mấy chị mới có hai chữ nữ quyền” (Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr. 88-89). Ông cho rằng việc phân biệt nam quyền và nữ quyền là do chế độ quân chủ dựng nên để phủ nhận hay hạn chế quyền làm người của người nữ.

Xét trên mối quan hệ của con người đối với chính bản thân mình đã làm nên nghĩa thứ ba của nhân cách – đó chính là cách thức làm người. Cách thức làm người do chính mỗi cá nhân đặt ra, nó được quy định thành những “khuôn mẫu”, “như trung tín, liêm sỉ, đạo đức, luân lý, v.v. cho đến lỗ tai nghe cho tỏ, con mắt thấy cho sáng, bộ óc thấy cho sâu, sức phấn đấu cho mạnh dạn, gan mào hiểm tiến thủ cho bền dai” (Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr. 216), mà từng cá nhân phải gìn giữ, phải phấn đấu thực hiện trong suốt cuộc đời của mình. Theo Phan Bội Châu, trong điều kiện lịch sử xã hội Việt Nam lúc bấy giờ thì trong nội dung nhân cách chỉ còn cách thức làm người là chúng ta có thể giữ được. Bởi vì, nó tồn tại trong chính bản thân mỗi con người “dầu ai cũng không phép gì ngăn cấm được ta, mà cũng không ai cướp bóc được ta” (Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr. 216). Ông còn khẳng định rằng trong các nội dung của nhân cách con người thì “đồng bào ta thiệt chỉ còn ngàn ấy là có giá trị” (Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr. 216).

Tư tưởng của Phan Bội Châu về giải phóng con người. Ông cho rằng vấn đề giải phóng con người là cần thiết, hợp quy luật, chính nghĩa và tất yếu sẽ giành thắng lợi. Từ một niềm tin vững chắc vào chiến thắng, ông đã chỉ ra nội dung giải phóng

con người như sau: Về đối tượng giải phóng, tư tưởng Phan Bội Châu về con người không phải là con người chung chung trừu tượng, cũng không phải là toàn bộ nhân dân lao động trên toàn thế giới, mà đó chính là dân tộc Việt Nam, nhân dân lao động Việt Nam đang bị áp bức bóc lột. Về nội dung giải phóng con người, Phan Bội Châu quan tâm giải phóng con người toàn diện - cả về nhân thể và nhân tính. Trên quan điểm của Nho giáo ông đã đưa ra phương pháp quản lý xã hội bằng nhân trị, đức trị. Trong đó Phan Bội Châu chú trọng đến hai việc đó là dưỡng dân và giáo dân, hai việc này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau góp phần làm cuộc sống con người tốt đẹp hơn. Phan Bội Châu cho rằng: “Dưỡng dân là lo cho dân về phần sống xác thịt. Giáo dân là lo cho dân về phần sống tinh thần. Dưỡng với giáo vẫn đồng thì tịnh hành, nhưng cũng óc hoãn cấp sai nhau chút đỉnh; trước lo dưỡng rồi sau mới lo đến giáo” (Phan Bội Châu, 1990, tập 10, tr. 71). Theo Phan Bội Châu, để cải tạo xã hội, giải phóng về mặt nhân thể thì cần phải có những con người có nhân tính tốt, những người đó phải vừa có trí tuệ, vừa có tấm lòng sẵn sàng hy sinh vì dân tộc. Những con người biết hy sinh vì dân tộc và đồng loại là những con người được giáo dục tốt. Do đó, để giải phóng con người, Phan Bội Châu cho rằng cần phải thực hiện hai nhiệm vụ - đó là *dưỡng dân và giáo dân*:

2.4. Quan điểm về đạo đức, giáo dục

Về vấn đề đạo đức. Theo Phan Bội Châu đạo đức là những chuẩn mực, những quy tắc đúng đắn có sẵn, là lẽ phải tự nhiên, gốc ở lẽ trời mà con người phải thực hiện nhằm chứng tỏ bản chất của mình. Do đó,

ông cho rằng đạo đức có vai trò rất quan trọng trong việc chi phối hành động của con người, những chuẩn mực đạo đức được xem như bánh lái, cái neo của một con thuyền, nếu không có đạo đức định hướng thì hành động của con người không xác định được sự đúng sai, tốt xấu, cũng giống như con thuyền không bánh lái mất phương hướng trên biển cả. Do đó ông khẳng định rằng: “Chưa có ai muốn chở thuyền cho thành thạo mà lại để nó chìm nổi tự nhiên; Muốn giữ tâm cho đúng đắn mà lại để nó thu phóng quàng xiên. Phải theo đạo cho đúng thì tâm mới không thiên. Phải giữ lái cho vững thì thuyền mới đi yên. Hợp lại mà xem, đề phòng lòng dục còn khó hơn đề phòng dòng nước; nói ra cho rộng, điều khiển con tâm cũng như điều khiển con thuyền” (Phan Bội Châu, 1990, tập 1, tr. 55). Như vậy, để cho tâm con người không dao động, không chao đảo như “cái thuyền không lái, không neo” thì cần phải có “đạo tâm” mà đạo tâm đó biểu hiện qua bốn chuẩn mực đạo đức cơ bản, đó là *nhân, nghĩa, lễ, trí*. Phan Bội Châu đã lý giải rõ thêm: “Phải lấy *nghĩa* làm sào mà đẩy, lấy *nhân* làm chèo mà bơi. Thẳng cửa đạo mà vào, lái vững dù đông tây vẫn được, cứ bờ đạo mà tiến, lái chắc dù tả hữu không sai. Thế là thuyền theo lái, nên dù tàu to xuồng nhỏ, chỉ huy vẫn được xông xuôi” (Phan Bội Châu, 1990, tập 1, tr. 55). Bốn chuẩn mực đạo đức nêu trên, Phan Bội Châu trên quan điểm của Nho giáo gọi là Tứ đoan. Ông giải thích: “Thuyết tứ đoan là nói ở trong lòng người ta có bốn mối lành cũng gọi là bốn tính: thương yêu người là mối *nhân*; biết xấu thẹn là mối *nghĩa*; biết từ nhượng là mối *lễ*; biết phân biệt điều phải trái là mối *trí*”

(Phan Bội Châu, 1990, tập 4, tr. 202-203. Vai trò của tứ đoan rất to lớn, nó không chỉ có giá trị đối với từng cá nhân, mà nó còn có giá trị đối với việc tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Ông viết: “Lòng tứ đoan khi mới mở mối, chỉ như một giọt nước chảy ra, mà giọt nước ấy chảy mãi chảy hoài thời chắc có lúc đi đến tận bể mà thành ra bể lớn, người ta thiết khoách sung tứ đoan thời công việc tề gia, trị quốc bình thiên hạ cũng chỉ ở tấm lòng suy ra mà thôi” (Phan Bội Châu, 1990, tập 10, tr. 33).

Về *giáo dục*. Trong điều kiện nước Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thì nhiệm vụ giáo dân càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Bởi vì, theo ông đất nước ta trì trệ, chậm phát triển và không chống đỡ được quân xâm lược là do lối tư duy cũ kỹ lạc hậu, và một nền giáo dục hủ cựu lúc bấy giờ đã che mắt nhân dân ta, làm cho nhân dân ta ngu muội. Việc chấn hưng đất nước, giải phóng dân tộc cần phải có một nền giáo dục tiên tiến theo kịp với thời đại. Nền giáo dục đó được ông đề ra như sau. Về *mục đích giáo dục*, đối với từng cá nhân giáo dục có vai trò rất quan trọng đối với việc hình thành nhân cách con người. Phan Bội Châu khẳng định: “Chúng ta sở dĩ học là cốt để học làm người, mà khuôn mẫu làm người, tất phải làm cho đến thánh; mà muốn làm cho đến thánh tất phải tìm cho ra tinh túy của thánh nhân; tất phải hết sức dụng công ở nơi việc học” (Phan Bội Châu, 1990, tập 9, tr.259). Giáo dục không chỉ có tác dụng đối với từng người mà nó còn có ảnh hưởng rất lớn đến vấn đề giải phóng dân tộc và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, dân tộc. Ông viết: “Có chú trọng giáo dục thì mới bỏ được việc riêng tư mà theo công lợi, mới làm cho

nước giàu mạnh tiến tới” (Phan Bội Châu, 1990, tập 2, tr. 263).

Về *đối tượng giáo dục*, Phan Bội Châu cho rằng việc giáo dục là cần thiết cho mọi người, vào mọi lúc mọi nơi, mọi thời điểm, “*còn là người, thì cần phải giáo dục*”, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn,... Ông đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục binh lính, phụ nữ. Bởi vì ông cho rằng, binh lính là lực lượng bảo vệ, giúp đỡ mọi người dân trong xã hội, còn phụ nữ có trách nhiệm làm mẹ, giúp đỡ chồng con, và cũng là người có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành nhân cách, tình cảm và trí tuệ của trẻ - “những chủ nhân tương lai của đất nước”. Về *nội dung giáo dục con người*, Phan Bội Châu cho rằng cần phải giáo dục con người toàn diện, có ích cho xã hội, để làm được điều đó cần phải chú trọng cả hai mặt đức dục và trí dục, “nhằm mở mang lòng dân yêu nước và lòng tin yêu lẫn nhau, khai dân trí, giúp dân quyền khiến cho ai ai cũng tiến bộ ngàn dặm” (Phan Bội Châu, 1990, tập 2, tr. 262-263). Ông cho rằng nội dung giáo dục không được bỏ sót thứ gì, nhưng cũng cần phải tập trung dạy những điều người dân cần học, cần sử dụng, những điều có ích đối với sự phát triển của bản thân và của đất nước, chứ không phải “giáo dục những điều mình sẵn có”. Từ việc tìm hiểu mô hình, cách thức giáo dục của các nước, đặc biệt kinh nghiệm giáo dục của Nhật Bản thời kỳ duy tân, Phan Bội Châu đã thiết kế một mô hình giáo dục cho nước nhà hết sức phong phú và đặc sắc. Ông viết: “Giáo dục, đức dục, thể dục, không bỏ sót thứ gì. Học Trung Quốc, học Nhật Bản, học châu Âu, học đủ các điều. Các ấu trĩ viện, dục anh viện, các trường tiểu học,

trung học, đại học khắp thành thị, thôn quê chỗ nào cũng có. Khi mới duy tân thì các thầy giáo dạy ở các trường còn phải mời người Nhật Bản, người châu Âu, châu Mỹ về dạy. Khi đã duy tân khá rồi thì vừa người nước ta thì đã có trình độ hơn cả người châu Âu, châu Mỹ, phải khỏi mời người nước ngoài nữa. Cách thức mở trường, sắp xếp việc học, việc dạy, việc bổ nhiệm những người học đã thành tài, đều bắt chước theo cái hay cái tốt của các nước như Nhật Bản và châu Âu. Học triết học, văn học, sử học, chính trị, kinh tế, quân sự, pháp luật,... học công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp, nữ công, kỹ thuật, lâm nghiệp,... Mọi việc mà dân ta cần học đều mời thầy, mở trường để cho người nước ta bất kỳ giàu hay nghèo, sang hèn, trai gái kể từ 5 tuổi trở lên, thì vào học ở trường ấu trĩ viện, để chịu sự giáo dục của bậc ấu trĩ, tám tuổi trở lên thì vào học ở trường tiểu học, để chịu sự giáo dục của bậc tiểu học; mười bốn tuổi trở lên thì vào học ở trường trung học, để chịu sự giáo dục của bậc trung học. Đến tuổi 18 thì tài chất đã khá, thì vào các trường cao đẳng, để chịu sự giáo dục của các trường cao đẳng chuyên nghiệp” (Phan Bội Châu, 1990, tập 2, tr. 261-262). Như Phan Bội Châu đã khẳng định: giáo dục là “cái khuôn đúc” tạo ra con người, nếu khuôn đúc đó tốt đẹp, sắc sảo thì tạo ra tinh hoa, ra sức mạnh cho đất nước, cho nên mọi vấn đề trong nội dung giáo dục phải được thực hiện, đôn đốc, giám sát, kiểm tra một cách nghiêm túc, cẩn thận của toàn xã hội, từ việc chăm lo tổ chức các lớp học, các cấp học để giáo dục con người, đến những bộ giáo trình chuẩn, thống nhất từ trên xuống dưới do Bộ Giáo dục quy định dưới sự kiểm tra nghiêm ngặt của Nghị viện.

Mặt khác, để giáo dục con người có hiệu quả Phan Bội Châu đã chỉ ra những yêu cầu cụ thể cần phải có của thầy và trò, trong đó đối với *người thầy*, Phan Bội Châu cho rằng để làm được thầy người khác một cách “chính danh” trước hết không được quên “ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hỹ” (Luận ngữ, 1950, tr. 20). Mặt khác, người dạy khi giảng dạy cần phải xác định rõ đối tượng học để có cách dạy phù hợp với trình độ của từng người. Theo Phan Bội Châu, người thầy giáo giỏi cũng như “người thầy thuốc giỏi, thường hay tùy bệnh chứng từng người mà khai đơn thuốc” (Phan Bội Châu, 1990, tập 9, tr. 240). Ngoài ra, người thầy cũng cần vận dụng phương pháp trực quan, nêu gương trong công tác giáo dục đào tạo. Theo Phan Bội Châu có một cách dạy người bằng trực quan, không sử dụng lời nói để truyền đạt thông tin đến người học mà thông qua những cử chỉ, hành động và tấm gương đạo đức của bản thân, người giáo viên biểu đạt thông tin cho người học làm theo và ghi nhớ. Làm như vậy người thầy bên ngoài nhìn vào có vẻ không dạy, nhưng thực chất “là dạy rồi, không cần dạy bằng miệng nói” (Phan Bội Châu, 1990, tập 9, tr. 244). Bên cạnh đó, ông còn cho rằng người dạy cần tránh hai điều: trước tiên cần tránh nói những điều vô bổ không có ích với người học, cũng như không đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang đặt ra; ngoài ra, người dạy cũng nên tránh thái độ quá nghiêm khắc thái quá đối với người học.

Còn *đối với người học*, Phan Bội Châu đã nêu ra ba yêu cầu quan trọng để giúp người học đạt kết quả cao trong học tập. *Về ý thức đạo đức trong học tập*, ông khuyên người học cần phải khiêm tốn,

thành thật, nghiêm túc và chủ động sáng tạo trong học tập. Ông cho rằng: “Chúng ta học thánh nhân, chẳng những học những điều Ngài nói, mà điều Ngài không nói chúng ta càng nên để ý lắm” (Phan Bội Châu, 1990, tập 9, tr. 247).

Về cách đọc sách. Phan Bội Châu cho rằng đây là một trong những phương pháp quan trọng giúp người học tiếp thu kiến thức của người dạy tốt hơn, ông nói: “Học sách không phải là đọc chữ cho thực là gọi bằng học được đâu! Tất thầy phải phát minh ý tứ của sách ở ngoài mặt chữ mới gọi bằng biết đọc sách” (Phan Bội Châu, 1990, tập 9, tr. 213).

Về vấn đề chọn bạn, để việc học đạt kết quả tốt nhất thì một trong những vấn đề quan trọng là việc kết bạn. Mỗi chúng ta nên chọn những người làm bạn có ích cho việc học của mình.

3. KẾT LUẬN

Nội dung tư tưởng triết học của Phan Bội Châu là đặc sắc, phong phú và tương đối có hệ thống trên nhiều khía cạnh: từ những vấn đề về bản thể của thế giới, nhận thức luận, quan điểm biện chứng, đến những vấn đề về con người, quyền con người, giáo dục, đạo đức,... Những nội dung đó là sự kế thừa, kết hợp có chọn lọc những tư tưởng đạo đức của phương

Đông, phương Tây và truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam, nhằm giải phóng con người, giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Nếu lọc bỏ những hạn chế nhất định mang tính lịch sử trong tư tưởng của ông, thì những nội dung tư tưởng đặc sắc đó vẫn có ý nghĩa lý luận, là bài học bổ ích trong quá trình xây dựng đất nước ta hiện nay. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Boudarel, G. 1997. *Phan Bội Châu và xã hội Việt Nam ở thời đại ông* (Bản dịch của Chương Thâu, Hồ Song). Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
2. Chương Thâu, Trần Ngọc Vương. 2001. *Phan Bội Châu về tác giả và tác phẩm*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
3. Chương Thâu. 2004. *Nghiên cứu Phan Bội Châu*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Hoài Thanh. 1978. *Phan Bội Châu*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa.
5. Hồ Chí Minh. 2000. *Toàn tập*. Tập 2. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. *Luận ngữ*. 1950. Sài Gòn: Nxb. Trí Đức.
7. Phan Bội Châu. 1990. *Toàn tập*. Tập 1- Tập 10. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
8. Trần Văn Giàu. 1993. *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*. Tập 1, 2, 3, TPHCM: Nxb. TPHCM.